

THE LANGUAGE OF POETRY BY HỒ XUÂN HƯƠNG

Nguyen Thi Thai

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: nguyenthithai@dvttdt.edu.vn

Received: 10/9/2024

Reviewed: 21/9/2024

Revised: 03/3/2025

Accepted: 21/4/2025

Released: 29/4/2025

Hồ Xuân Hương, a Vietnamese poet with a tragic life, experienced many hardships in marriage and life. Time and legends have made it difficult for later generations to research more deeply and accurately about her background and life. Many generations of readers and researchers both in Vietnam and abroad have explored her biography, style, relationships, and other issues through her poetry collections. This paper delves deeper into the poetic language of Hồ Xuân Hương to further clarify her significance.

Keywords: Hồ Xuân Hương; Poetic language.

1. Giới thiệu

Đại Hội đồng UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc) vào ngày 23 tháng 11/ 2021 đã ra Nghị quyết vinh danh và tham gia kỷ niệm năm sinh/ năm mất của một số danh nhân văn hóa tầm nhân loại với những đóng góp vĩ đại, Việt Nam vinh dự có nữ sĩ Hồ Xuân Hương và nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu là những đại diện tiêu biểu. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương là duy nhất đại diện nhân tài nữ trong sáu nhân tài đất Việt từng được UNESCO vinh danh (1980: Nguyễn Trãi; 1990: Hồ Chí Minh; 2015: Nguyễn Du; 2019: Chu Văn An; 2021: Hồ Xuân Hương và Nguyễn Đình Chiểu).

Ngày 15 tháng 12 năm 2024 đã diễn ra Hội thảo quốc tế về Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du tại Học viện Khoa học Xã hội như một minh chứng cho tầm vóc danh nhân và sự nghiệp văn chương cũng như cuộc đời kỳ tài của nữ sĩ.

Hồ Xuân Hương - nữ thi sĩ Việt Nam với cuộc đời đầy bi kịch. Lóp bụi thời gian và những huyền thoại đã gây khó khăn cho hậu thế khi muốn nghiên cứu sâu hơn, chi tiết hơn, chính xác hơn về lai lịch và hành trạng của bà. Nhiều thế hệ công chúng độc giả, giới nghiên cứu trong và ngoài nước đã say mê nghiên cứu, tìm kiếm tiểu sử, chân dung, các mối quan hệ, thi pháp, phong cách và nhiều vấn đề khác về Hồ Xuân Hương qua các tập thơ đa dạng, độc đáo. Trên 100 bài thơ Nôm của nữ thi sĩ được truyền tụng phổ biến trong dân gian khiến nhiều người nhầm tưởng là văn học dân gian truyền miệng. Ngoài ra, độc giả còn biết đến Hồ Xuân Hương thông qua các tập thơ như: *Lưu hương ký* (gồm 24 bài thơ chữ Hán và 28 bài thơ Nôm

đặc sắc), *Hương đình cổ nguyệt* thi tập (gồm 9 bài thơ chữ Hán), *Đồ Sơn bát vịnh* (gồm 8 bài thơ chữ Hán), và *Đề Vịnh Hạ Long* (gồm 5 bài thơ chữ Hán),...

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Bàn về Hồ Xuân Hương, có rất nhiều ý kiến các chiều. Điều đó chứng minh, cuộc đời thi nhân luôn là nguồn cảm hứng vô tận để đời sau tìm hiểu. Tất cả các tác phẩm mà chúng tôi nêu trên của Xuân Hương là của một Hồ Xuân Hương có năm sinh mất này (1772 - 1822) - và đó là con gái ông Hồ Phi Diễn (1704 - 1786), một nhà nho ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An? Hay của một Hồ Xuân Hương nữ sĩ khác? Có hai Hồ Xuân Hương khác nhau qua hai loại hình thơ chữ Hán (tiêu biểu là Lư hương ký) và thơ chữ Nôm (tiêu biểu là mảng thơ Nôm truyền tụng)? Hồ Xuân Hương “Vĩ đây đôi phận làm trai được” có phải là nam giới giả giọng nữ? Hồ Xuân Hương “Bầy nổi ba chìm với nước non” phải chăng là vàng trắng đáy nước? Hồ Xuân Hương từng ngạo nghễ “Nghe mắt trông ngang”, từng ngang dọc Tung hô hồ thi bốn phương trời... mà sao vẫn cứ như là... “Bí ẩn đi nhón gót” giữa loài người?... Đó là những bí ẩn để các nhà nghiên cứu soi xét trên nhiều khía cạnh, góc độ để tìm ra một Hồ Xuân Hương nữ sĩ...!!! [1].

Trong văn học Việt Nam trước Cách mạng, ít có tác giả nào mà cuộc đời gắn liền với tác phẩm mình khăng khít như Xuân Hương. Đời Xuân Hương với thơ Xuân Hương không chia tách nhau, mỗi đoạn đời là một bài thơ, cho nên, trước hiện trạng thiếu tài liệu về tiểu sử Xuân Hương, thì cứ lần theo thơ mà dựng lại những chặng đời của tác giả [2]. Nguyễn Hữu Tiến trong quyển *Giai nhân di mặc* có lẽ đã bám theo các bài thơ làm mốc chính, thêm vào với những chuyện truyền khẩu, mà viết lại đời của Xuân Hương.

Có biết bao nhiêu câu hỏi? Hình như ở đây, vừa có sự “khiêu khích”[3], chơi xuân có biết xuân chẳng tá?, vừa có chút nhẩn gửi người đời “Đừng xanh như lá bạc như vôi” của nữ sĩ? Dẫu sao, mặc lòng! “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn/ Mà em vẫn giữ tấm lòng son”! Hồ Xuân Hương vẫn cứ là Hồ Xuân Hương, vẫn cứ hiển hiện, trẻ trung, tự tin, đầy sức sống, bất chấp thời gian như biệt danh của bà:

Tài tử văn nhân ai đó tá?

Thân này đâu đã chịu già tom!

Và giờ đây, đã hiển hiện một Hồ Xuân Hương - nữ sĩ, một người con trác việt của dân tộc, xuất phát từ xứ Nghệ, là một hiện tượng văn hóa độc đáo, là “Bà chúa thơ Nôm”. Và qua bao xét duyệt, chọn lọc Hồ Xuân Hương - một danh nhân văn hóa mang tầm vóc nhân loại, là nhà thơ mang tầm vóc một Thi hào đã được tổ chức Thế giới vinh danh. UNESCO đã rất tinh tường khi trao sứ mệnh đó cho nữ sĩ Hồ Xuân Hương - sứ mệnh truyền cảm hứng và lan tỏa ảnh hưởng tích cực đến mọi con người trên trái đất, những thông điệp mang khát khao, khát vọng và cái tôi cá nhân của người phụ nữ.

Trong văn học Việt Nam có thể thấy có bốn hiện tượng tiêu biểu điển hình cho sự thu hút mạnh mẽ sự “tranh cãi” như vậy: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương (thời trung đại), Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Huy Thiệp (thời hiện đại). Đặc biệt hơn, sáng tác của Nguyễn Du (nhất là Truyện Kiều) và thơ Hồ Xuân Hương (nhất là mảng thơ Nôm được truyền tụng) là nơi được đưa ra vận dụng, thử nghiệm nhiều phương pháp nghiên cứu theo nhiều lý

thuyết khác nhau: từ Xã hội học (Sociology), Văn hóa học (Culturology), Phân tâm học (Psychoanalysis), Lý thuyết thông tin (Information Theory), Nhân học văn hóa (Cultural anthropology), Phong cách học (Stylistics), Thi pháp học (Poetics), Mỹ học tiếp nhận (Receptional Aesthetic), Thuyết người đọc (Reader Theory), Mỹ học Mác-xít (Cosmetology Marxist),... đến Chủ nghĩa hiện sinh (Existentialism), Nữ quyền luận (Feminism), Hình thức luận (Formalism), Cấu trúc luận (Structuralism), Liên văn bản (intertextuality), thậm chí cả Chủ nghĩa hậu hiện đại (Postmodernism), v.v... Nhiều phương pháp nghiên cứu theo nhiều lý thuyết khác nhau, đáng nói nhất là Phân tâm học (Psychoanalysis), từng được vận dụng vào tiếp cận, nghiên cứu Truyện Kiều của Nguyễn Du cũng như thơ Hồ Xuân Hương [4]. Với trường hợp Truyện Kiều của Nguyễn Du, người nghiên cứu đã có những thất bại, thậm chí là thảm họa. Với trường hợp thơ Hồ Xuân Hương, rất mừng là đã có những thành công... Nhưng điều quan trọng tôi muốn nói ở đây là sức hấp dẫn, thu hút và sự lan tỏa đến không cùng của Truyện Kiều (Nguyễn Du) cũng như thơ Hồ Xuân Hương. Và chính thơ Hồ Xuân Hương cũng như Truyện Kiều của Nguyễn Du đã cung cấp thêm cho nhiều lý thuyết những dữ liệu mới “đắt giá” [5].

Nghiên cứu về thơ Hồ Xuân Hương, chúng tôi nhận thấy sức ảnh hưởng sâu rộng, nét độc đáo về ngôn ngữ thơ trong những sáng tác vĩ đại của bà. Nếu như Nguyễn Du với Truyện Kiều từng tạo nên hiện tượng “Bói Kiều”, “Tập Kiều”, “Lấy Kiều”, “Vịnh Kiều”, “Đố Kiều”, “Ngâm Kiều”,... thì Hồ Xuân Hương với thơ Nôm, không ngừng tạo nên hiện tượng parody (nhại) hết sức thú vị. Parody (nhại) là một hiện tượng mang tính quy luật và cũng đầy phức tạp trong sáng tác cũng như tiếp nhận văn học, nghệ thuật [6]. Trên phương diện lý thuyết, các nhà nghiên cứu từ chủ nghĩa hình thức Nga đến M. Bakhtin; từ Gerard Genette tới Linda Hutcheon, Margaret A. Rose, Simon Dentith,... đã từng bàn đến nhiều về mục đích, chức năng, vai trò và các hình thức parody (nhại). Theo M. Bakhtin, Parody (nhại) cũng là một kiểu carnival hóa (carnivalization). Hiện tượng parody (nhại) thơ Hồ Xuân Hương chỉ là một dạng bắt chước, mô phỏng, tái chế, “nhái” như một trò chơi vui từ văn bản gốc (hypotext), không hề làm tổn hại tới văn bản bị nhại (mà ở đây là thơ Hồ Xuân Hương) [7].

Từ những hướng nghiên cứu trên về thơ Hồ Xuân Hương và những phát hiện, tổng quan về sự nghiệp văn chương của bà, trong bài viết này, tác giả xin được góp một cái nhìn về góc độ ngôn ngữ mang tính đặc trưng, độc đáo của nữ danh nhân.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi cho rằng, ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương và cuộc đời tài năng của nữ sĩ được biểu hiện rất rõ nét qua cách dùng chữ, dùng hình ảnh duy nhất và độc đáo không trùng lặp với bất cứ tác giả nào của văn học Trung đại và các thời đại văn học khác. Vì vậy, trong bài, tác giả sử dụng các phương pháp cơ bản sau: (1) Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết, gồm: phân tích, so sánh, tổng hợp để nghiên cứu, phân tích tài liệu, từ đó tổng hợp và đưa ra những nhận định có tính khoa học; (2) Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn, gồm: khảo sát, sưu tầm tác phẩm văn chương của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Ngôn ngữ thơ thể hiện một tài năng thơ văn xuất chúng, một tư tưởng nhân văn sâu sắc mang tâm vóc đại thi hào dân tộc

Hồ Xuân Hương là một tài năng thơ xuất chúng, tiêu biểu của một dòng thơ tâm sự mà giàu tính đối thoại xã hội và là người phụ nữ vẹn tròn tài sắc. Nhà thơ Xuân Diệu từng tôn xưng bà – một người tài danh bạc mệnh – là Bà chúa thơ Nôm để đủ thấy tài năng thơ bà được ghi dấu trên văn đàn thi ca thế nào. Tôn Phong – người bạn thơ đương thời từng ngâm nga ca tụng nhan sắc Hồ Xuân Hương:

Như dáng cây mai xinh đến cốt
Mười phân sắc xuân rạng lên trời.

Nhan sắc mười phân vẹn tròn sắc xuân của nữ thi sĩ tài sắc vẹn toàn, phải chăng phải là một cuộc tình duyên viên mãn, hạnh phúc vẹn tròn dành cho cuộc đời người con gái ấy. Trong thơ bà, chữ Xuân cũng phải là chữ Xuân vẹn nguyên, tinh khôi, rạng ngời của người tố nữ:

Hỏi bao nhiêu tuổi hỡi cô mình
Chị cũng xinh mà em cũng xinh
Đôi lứa như in tờ giấy trắng
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh.

(Đề tranh tố nữ)

Khát khao của người con gái, của người đàn bà khi nhắc đến xuân cuộc đời, xuân đất trời mỗi dịp tết đến xuân về với hương vị nồng nàn, trong trẻo. Nhưng cái trong trẻo của khát vọng xuân lại đối chọi với thực tại cuộc đời lẽ mọn, lỡ làng, chưa một lần hưởng trọn vẹn tình duyên:

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con.

(Tự tình - Bài 1)

Cách dùng từ trong ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương mang nhiều nét độc lạ, cũng một chữ xuân mà trong đó biểu lộ nhiều dụng ý và nỗi niềm thương xót thân phận người phụ nữ:

Chơi xuân ai biết xuân chẳng tá!
Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.

(Đánh đu)

Nhà thơ Tản Đà từng có dòng viết rất đời thường, hóm hỉnh về nữ sĩ Hồ Xuân Hương:

Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương
Hồn thơ còn hấy như đường treu ai!

Có lẽ làm thơ đã khó, nhưng làm thơ mà khiến hậu thế phải nhớ mãi về hồn thơ mang dấu ấn độc đáo riêng thì chỉ có Hồ Xuân Hương mới đạt được tài năng “treu ghẹo” ấy.

Thơ Xuân Hương là thứ thơ không chịu ở trong cái khuôn khổ thông thường, một thứ thơ muốn lặn thật sâu vào sự vật, vào những đáy rất kín thẳm của tâm tư: những đáy kín thẳm ấy không phải lạc lõng, cô đơn, cá nhân chủ nghĩa, mà trái lại, được hàng vạn người đồng tình, thông cảm. Thơ của Xuân Hương cũng không thể cầu an, người nghiên cứu thơ Xuân Hương cũng không thể cầu an. Đó là nét riêng độc đáo trong thơ bà.

Có thể thấy, từ những phân tích, những nghiên cứu nhiều góc độ sự nghiệp văn chương Hồ Xuân Hương, cho thấy cuộc đời thơ của bà thực sự mang tầm vóc một thi hào. Ngay từ những năm 50 của thế kỷ XX (1959), Xuân Diệu là người đã sớm nhận ra tầm vóc thi hào ở Hồ Xuân Hương khi ông viết Ba thi hào dân tộc (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương). Thi hào là nhà thơ lớn, nhà thơ kiệt xuất; có tư tưởng và cái nhìn xuyên thời đại - có tình cảm sâu sắc, rộng lớn - và bút lực nghệ thuật ở trình độ bậc thầy (thiên tài). Phạm Nhữ Dực (thế kỷ XV) xem thi hào là người có vị thế, tâm thế uy nghi, đỉnh đạc: Thi hào hồ thị thiên lâm túc (Thi hào/ nhà thơ lớn như con hổ nhìn hàng nghìn khu rừng im phăng phắc)... Có thể nói, ở nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã hội tụ đủ mọi tố chất để làm nên danh xưng Thi hào, người nghệ sĩ lớn của mọi thời đại, của dân tộc. Giá trị và sức sống của thơ bà chứng minh một cách thuyết phục điều này và đã được nhân loại ghi nhận, vinh danh.

Thơ Hồ Xuân Hương thể hiện bản ngã sâu sắc nhất, quyết liệt nhất về người phụ nữ mà trong đó, chính bản thân bà, cuộc đời bà là một minh chứng sống động nhất cho việc đòi quyền con người. Có thể nói, tiếng nói vang dội nhất trong thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói đấu tranh đòi nữ quyền: quyền bình đẳng, quyền được yêu thương, hạnh phúc, quyền được công khai hiện diện trong cuộc sống với tất cả những gì mà tạo hóa ban cho người phụ nữ và cho con người (lớp nghĩa thứ hai/ phần thực trong các bài thơ của bà: Bánh trôi nước, Thiếu nữ ngủ ngày, Đèo Ba đội, Động Hương Tích, Vịnh cái quạt, Dệt cửi, Đánh đu, v.v...). Song song với tiếng nói đánh thức, khơi gợi diệu kỳ khó ai có thể làm được ấy là tiếng nói phê phán mạnh mẽ các thế lực (chế độ phong kiến, giáo lý Nho giáo, các giới/ loại người “phàm phu, tục tử”) đã tạo ra những ràng buộc vô lý đối với con người, tạo ra sự bất bình đẳng giới (nam/ nữ), tạo ra những lề thói, hủ tục cản trở sự tiến bộ (Lấy chồng chung, Không chồng mà chữa, Thân phận người đàn bà, v.v...). Bà cũng phê phán không khoan nhượng tệ tham nhũng, dâm dối, lọc lừa của mọi hạng người vô liêm sỉ trong xã hội, từ bọn quan lại, những kẻ có quyền thế cho đến các thầy đồ, sư sãi rơm (Chùa Quán sứ, Sư hổ mang, Kiếp tu hành, Đồng tiền hoán, v.v...).

Giai thoại truyền nhau giữa bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương và đại thi hào Nguyễn Du có mối tình thơ đẹp như truyền thuyết, nếu như điều đó là sự thật thì chắc hẳn rằng với tài năng và tầm vóc vĩ đại của hai thi nhân, đây sẽ là mối tình giữa “tra tài gái tài” được ngợi ca và ngưỡng mộ bậc nhất của văn chương Việt Nam. Vậy nếu như chưa cần nói đến sự ngưỡng mộ mà giai thoại dệt nên kia, chỉ nói đến hai thi nhân tài năng đương thời mà sự nghiệp văn chương của họ đã đạt đến truyền kỳ cho thế hệ sau ca tụng. Giữa thơ văn Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, giữa cuộc đời của hai danh nhân, đâu là những điểm văn thời thế phiệt mà họ đã có chung trong thành tựu cuộc đời và đâu là những khác biệt trong tư tưởng, trong cách hành văn mà xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ xưa đã in hằn lên thân phận và giới tính của con người.

Xã hội phong kiến Việt Nam vào cuối thời Lê đầu Nguyễn gợi lên một cảnh ao tù nằm trong cái không khí trưa hè nặng nề và oi bức. Mặc dù từ trong lòng của xã hội ấy, sự sống mới đã bắt đầu nảy mầm, trỗi dậy và có khi biểu hiện ra ngoài, nói chung cái cốt cách, cái rường cột của nó vẫn đủ sức kiềm chế mọi phản ứng. Trong cái xã hội ấy, trật tự, kỷ cương, đạo đức và lễ giáo phong kiến vẫn là đồ ăn cho tinh thần cho tất cả mọi người; và cái tầng lớp

đưa đường chỉ lối cho nhân dân vẫn là tầng lớp những sĩ phu xuất thân từ trường học Khổng - Mạnh, những con người thờ cái triết lý, sợ tất cả mọi sự cựa quậy vì nó làm sai lệch những đường thẳng đã vạch ra không biết từ đời nào. Thơ Hồ Xuân Hương bác bỏ cả một quá trình tiến hoá của nhân loại dai dẳng hàng mấy chục thế kỷ trong khi đó, giai cấp thống trị mà hoạt động chính là ăn không ngồi rồi, là chiếm đoạt và bóc lột đã biến thứ quan hệ nam nữ bình thường kia thành một thứ gì vừa thần bí lại vừa xấu xa. Trong xã hội phong kiến Á Đông, sống không phải là một chuyện dễ mà cũng không phải là một chuyện không nguy hiểm. Người đàn bà từ tấm bé, ở trong gia đình, đã được nuôi dạy trong cái ý thức phải sợ sự sống ; phải xa lánh sự sống; phải sống ít nhất, nghèo nàn nhất để sống cho phải đạo đàn bà. Người đàn bà mẫu mực phải là kẻ coi sự sống như một "trái cấm" và con người dám sống là kẻ phạm lỗi của nàng Eva ăn quả cấm trong truyện Tây phương.

Đương thời, trong cái nhìn đối sánh với cuộc đời văn chương của Nguyễn Du, tài năng thiên bẩm đã đi được đến tận cùng nỗi đau thân phận đoạn trường của con người, nói lên nỗi đau sâu sắc nhất của nhân loại, thì Hồ Xuân Hương, bà đã đi đến được tận cùng màu sắc cá nhân độc bản, không giống ai từ giọng thơ cho đến khát vọng nữ quyền. Và có lẽ, trong cái nhìn đối sánh thú vị khi chúng ta tìm hiểu về hai danh nhân vĩ đại, cái chúng ta thấy rõ đó là sự khác biệt của giới tính nam nữ, và màu sắc giới tính ấy dù ít hay nhiều, nó cũng được lột tả và thể hiện rất rõ qua cách dùng từ, các xưng hô trong giao tiếp văn chương đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương bất hủ sống mãi với thời gian.

4.2. Ngôn ngữ thơ với sự đa nghĩa, nhiều tầng bậc bí ẩn

Một thế kỷ rưỡi trước ở Việt Nam, qua ngôn ngữ thơ, truyện thơ của bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương, đại thi hào Nguyễn Du, chúng ta đã thấy sự đa nghĩa, nét độc đáo nhiều tầng bậc trong nghệ thuật dùng từ của hai danh nhân mà mai sau càng khám phá càng là những bí ẩn hấp dẫn kỳ lạ. Sự hấp dẫn, kỳ lạ ấy không phải chỉ nằm ở chiều sâu ý nghĩa tác phẩm, không chỉ ở nghệ thuật dùng từ độc đáo mà nó còn ở những chi tiết tưởng rất bình thường: cách xưng hô của tác giả với nhân vật, của tác giả với chính tác giả, hay của tác giả với mọi đối tượng giao tiếp trong văn chương. Và dù ở góc độ nào, khi chúng ta nghiên cứu, tìm hiểu về hai thi nhân, chúng ta cũng nhận thấy một điều rất thú vị: đó là giữa Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du qua cách xưng hô trong giao tiếp văn chương họ đã gặp nhau ở nhân cách và tài năng tài hoa uyên bác, ở tầm vóc tư tưởng của những đại danh nhân văn hóa của nhân loại và bên cạnh đó khi soi về khác biệt trong cách xưng hô của hai nhà thơ, sự khác nhau về giới tính cũng cho ta khám phá những bí ẩn độc đáo trong ngôn ngữ giao tiếp xưng hô ở tác phẩm văn học.

Trước hết, nói về tính đa nghĩa và giàu chất liên tưởng trong thơ nữ sĩ Hồ Xuân Hương chưa một nhà thơ nào sánh được với bà, bởi cái sự đa nghĩa và đa liên tưởng đó nó không chỉ là sự suy diễn trần trụi của đời thường mà nó thuộc về chủ nghĩa khoa học tự nhiên. Nơi mà người ta muốn hiểu và thâm thấu sự bí ẩn của nó thì người ta phải vượt lên các xác thịt trần trụi của cuộc đời để đến với những điều tinh tế ấy. Độc đáo hơn nữa là sự đa nghĩa tự nhiên ấy nó lại đến từ chiều sâu tâm tư, khát vọng của nữ giới nên lại càng nhiều tầng bậc hơn.

Tính đa nghĩa, giàu tầng bậc và liên tưởng bí ẩn ấy trong thơ Hồ Xuân Hương thể hiện rất rõ ở góc độ: Hồ Xuân Hương sống trong chế độ phong kiến với lễ giáo rất hà khắc, trọng nam khinh nữ, vùng kín của phụ nữ được coi là thứ dơ dáy bẩn thỉu. Nhưng Hồ Xuân Hương đã mạnh dạn đập tan cái quan niệm hủ lậu đó, Bà cho rằng cái sinh thực khí của chị em là một báu vật thiêng liêng mà tạo hóa đã ban tặng cho toàn nhân loại, chứ không chỉ riêng phái yếu, bởi lẽ “Cái ấy” của chị em đã được “Chúa dẫu, vua yêu mỗi cái này”... Yêu thích và đam mê đến mức “Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày” (Vịnh cái quạt). “Cái ấy” của chị em còn làm “Mát mặt anh hùng khi tắt gió, Che đầu quân tử lúc sa mưa” và đã gây khoái cảm cho bao hiền nhân quân tử “Phi phạch trong lòng đã sướng chưa” (Vịnh cái quạt)... Sướng đến nỗi “Mỗi gói chồn chân vẫn muốn trào” (Đèo Ba Dội).

Và những hiền nhân quân tử, khi thấy nàng nằm ngủ say giữa ban ngày một cách hờ hênh thì đã “... dùng dằng đi chẳng dứt/ Đi thì cũng dở, ở không xong”.

Khi chiêm ngưỡng bức tranh Tô Nữ của làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), Hồ Xuân Hương còn trách cứ người họa sỹ rằng:

“Còn cái thú kia sao chẳng vẽ,
Trách người thợ vẽ khéo vô tình”.
(Đề tranh Tô Nữ).

Đặc biệt Hồ Xuân Hương còn táo bạo mượn chuyện đánh cờ để mô tả cuộc giao hoan của hai vợ chồng. Khi đọc bài thơ “Đánh Cờ”, ta có cảm giác như đang được xem một bộ phim Sex hiện đại, đang rất thịnh hành hiện nay.

“Thoạt mới đầu, chàng liền nhảy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phừa tượng lên, (vén váy)
Hai xe hà chàng gác hai bên,
Thiếp thấy bí, thiếp liền gھnh sỹ.
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú dí vào cung,
Thiếp đang mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ ðùng ra chiếu”(phóng tình)

Cần chú ý đặc biệt rằng bài “Đánh cờ” không hề có dụng ý kích dục hay cổ súy cho sự ăn chơi sa đọa hoan lạc giống các phim sex, hay những tác phẩm văn học như Kim Bình Mai (Trung Quốc), Vụ án thành Pari (Pháp)... Bởi vì tác giả đã ra “Tuyên ngôn” về bài thơ ở bốn câu kết:

“Chàng bảo chịu, thiếp rằng chẳng chịu,
Thua thì thua, vẫn níu lấy con,
Khi vui nước nước non non,
Khi buồn lại giờ bàn son quân ngà”

“Giờ bàn son quân ngà” với hy vọng sẽ được đón những đứa con trong tương lai. Tiếp thu ý nghĩa của trò Trám, Hồ Xuân Hương muốn nhắc nhở các thế hệ rằng: “Việc sinh hoạt vợ chồng, không chỉ để giải trí tìm thấy những khoái cảm trong nhục dục, mà mục đích sinh con đẻ cái để bảo tồn duy trì nòi giống là quan trọng bậc nhất của xã hội loài người”. Hiện nay dân số thế giới đang ngày càng già hóa, ở một số quốc gia như Nhật Bản, Thụy Điển, Đức... tỷ lệ

tăng dân số ngày càng giảm, và dân số đang già hóa một cách rõ rệt. Vì vậy điều nhắc nhở của trò Trám, của Hồ Xuân Hương hiện nay vẫn còn nguyên giá trị.

Ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương nhiều tầng bậc ý nghĩa như muốn gửi gắm tâm sự ẩn sâu đa chiều của chính nữ sĩ. Cái đa chiều đó hiện lên ở thế giới nhân khá đa dạng, phong phú gần như là một bức tranh xã hội thu nhỏ với đủ các đặc điểm: về giới tính (nam / nữ), về thành phần xuất thân (quan lại, học trò, chú lái), về danh vị xã hội (vua, quan, lính, người làm thuê), về thái độ (trân trọng, yêu thương, căm ghét), về đạo đức (tốt, xấu, chân thành, xảo trá), về quan hệ (vợ chồng, bạn hữu, người dung), v.v... Hoàn cảnh của các nhân vật thơ hoạt động cũng khá là rộng với thời gian cả một quãng đoạn trường trong cuộc đời; không gian mà nhà thơ miêu tả, trần thuật cho các nhân vật hoạt động là chùa chiền, làng xóm, chốn công quyền... trong đời thường. Và sự sáng tạo thành công trong đặc điểm ngôn ngữ thơ đa chiều nhiều tầng bậc ấy được thể hiện dưới lớp vỏ ngôn ngữ niêm luật chặt chẽ của thể đường luật, với cách chơi chữ, dùng từ trào phúng, châm biếm đả kích của tục ngữ, thành ngữ để sáng tác thơ. Nữ thi sĩ tài ba đã thành công trong cách khai thác triệt để khả năng tư từ phong phú của ngôn ngữ trong gọt rũa, mài sắc ngôn ngữ dân tộc của thời đại nhà thơ.

4.3. Ngôn ngữ thơ táo bạo, mãnh liệt với lớp từ xưng hô độc đáo

Trong thơ bà, cách xưng hô mang nét đặc trưng riêng vì xưng hô đây không chỉ với vai trò giao tiếp thông thường mà đó còn ẩn chứa dụng ý nữ sĩ gửi gắm. Ở những phân cảnh miêu tả chốn phòng the, riêng tư đàn bà, từ xưng hô trong những trường hợp này được Hồ Xuân Hương sử dụng lối giao tiếp truyền thống giữa vợ chồng của thời kỳ phong kiến “chàng – thiếp” nhưng lại khiến người đọc liên tưởng đến điều ý nhị buông loan đầy táo bạo:

Thoạt mới đầu, chàng liền nhảy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phướn tượng lên,
Hai xe hà chàng gác hai bên,
Thiếp thấy bí, thiếp liền gھnh sĩ.
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú dí vào cung,
Thiếp đang mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ ðùng ra chiếu

(Đèo Đánh cờ)

Tuy lời thơ ẩn ý bạo liệt, táo bạo vậy, nhưng trên hết, chất chứa bên trong tiếng xưng hô chàng – thiếp kia lại là tâm sự sâu kín trong nỗi lòng của người đàn bà:

Chàng bảo chịu, thiếp rằng chẳng chịu,
Thua thì thua, vẫn nín lấy con,
Khi vui nước nước non non,
Khi buồn lại giờ bàn son quân ngà

Câu thơ “Giờ bàn son quân ngà” liệu rằng đó có phải là hy vọng sẽ được đón những đứa con trong tương lai. Tiếp thu ý nghĩa của trò Trám, Hồ Xuân Hương muốn nhắc nhở các thế hệ rằng: “Việc sinh hoạt vợ chồng, không chỉ để giải trí tìm thấy những khoái cảm trong nhục dục, mà mục đích sinh con để cái để bảo tồn duy trì nòi giống là quan trọng bậc nhất của xã hội loài người”.

Trong văn học Việt Nam, Hồ Xuân Hương là một nhà thơ có cách dùng từ hết sức độc đáo. Bà là một nhà thơ nữ, viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất dân gian. Nét độc đáo trong thơ bà chính là một phong cách riêng không lẫn với tài năng thơ nào khác. Chúng ta biết rằng, Hồ Xuân Hương sống trong thời đại phong kiến, Nho giáo là linh hồn của mọi hoạt động xã hội, với bao nhiêu quan niệm, “quy định”: “Nam nữ thụ thụ bất thân”, “Con trai chớ đọc Phan Trần / Con gái chớ đọc Thúy Vân Thúy Kiều”, “Gia trung hữu cầm, nữ tắc dâm”, “Đàn bầu ai gảy, nấy nghe/ Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu”... Vì thế, khi thơ Hồ Xuân Hương xuất hiện trên văn đàn với cách xưng hô đầy bạo dạn, các nhà Nho đã kịch liệt lên án, cho rằng đó là “Dâm thi”, là tục tĩu, trái với thuần phong mỹ tục. Nhưng những bài thơ của Hồ Xuân Hương khi đến với nhân dân lao động (qua truyền miệng), thì lại được mọi người dân đón nhận một cách say mê, thấy như có mình và tâm sự của mình trong đó. Người ta thích thơ Hồ Xuân Hương vì cái tính trào phúng hài hước. Không những thế, thơ của Bà còn là tiếng nói phản kháng sự bất công của xã hội đương thời, một xã hội mang nặng ý thức trọng nam khinh nữ. Thơ của Hồ Xuân Hương thể hiện cái khao khát của tự do, sự bình đẳng giới và đề cao vai trò, vị thế của người phụ nữ trong xã hội. Hồ Xuân Hương cho rằng bản năng là một hoạt động thiết yếu của loài người như cơm ăn nước uống hàng ngày, thì tại sao phải kiêng kỵ nói về nó? Bà vạch trần và lên án thói đạo đức giả của bọn vua chúa, quan lại phong kiến, một mặt khinh thường phụ nữ, coi thân thể đàn bà là thứ dơ dáy, uestạp, nhưng lại “Chúa dẫu, vua yêu mỗi cái này”. Còn những hiền nhân quân tử khi bất chợt nhìn thấy nàng ngủ say thì đắm đuối đến nỗi “Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt / Đi thì cũng dở, ở không xong”. Cách xưng hô thì một chúa hai vua, một chàng hai thiếp những ẩn đằng sau cách xưng hô đó là thái độ, sự phản kháng, chế giễu của nhân vật người đàn bà – tác giả lời thơ.

Trong thơ bà, hoàng đế không còn là một đấng thiêng liêng “con trời” với sứ mệnh lớn lao nhận mệnh trời để “hành đạo”! Bà đặt hoàng đế trong đời thường với mưa nắng, nóng lạnh, với yêu đêm yêu ngày... và như thế hoàng đế không còn là trung tâm tối cao của cấu trúc xã hội mà ông ta làm chủ thể nữa, vua chúa cũng như mọi kẻ phạm trần khác: Hồng hồng má phấn duyên vì cậy/ Chúa dẫu vua yêu một cái này (Vịnh cái quạt).

Cách xưng hô trong thơ nữ sĩ Hồ Xuân Hương đặc trưng với những nét riêng biệt, độc đáo, đặc sắc mà cũng đầy thú vị không có ở bất cứ một nhà thơ nào. Nữ sĩ đã tạo cho mình một giọng điệu riêng, một phong cách riêng mà đương thời và hậu thế phải thán phục, ngỡ ngàng. “Mời trầu” là cách xưng hô tự xưng danh độc đáo, mạnh mẽ: “Này của Xuân Hương mới quệt rồi”. “Khóc Tổng Cóc” lại có 2 câu thành ngữ “nòng nọc đứt đuôi” và “gọt gáy bôi vôi” được vận dụng trong 2 câu thơ với cách xưng hô thú vị:

“ Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé,
Ngành vàng chuộc dẫu bôi vôi”

Ngôn ngữ thơ với cách xưng hô độc đáo đầy ẩn tượng còn thể hiện ở cách xưng hô mạnh mẽ, mang hơi hướng của ngôn ngữ thông tục trong lời ăn tiếng nói hàng ngày:

“Khéo khéo đi đâu lữ nhàn nhàn
Lại đây cho chị dạy làm thơ.”

(Lỡm học trò)

“Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung”
(Lấy chồng chung)

“Thân này đâu đã chịu già tom?”
(Tự tình I)

“Thân này ví biết đường này nhỉ,
Thà trước thôi đành ở vậy xong.”
(Lấy chồng chung)

Qua việc tìm hiểu các lớp từ nhân xưng trên, có thể thấy: ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương là thứ ngôn ngữ rất gần với lời nói thường ngày trong giao tiếp khẩu ngữ, nhưng đây cũng là lớp ngôn từ rất “đắt” và ấn tượng, được nhà thơ chọn lọc một cách công phu, đưa vào lời nhân vật hợp lí, góp phần làm nên thành công của đặc trưng thơ và khẳng định phong cách của nhà thơ. Hệ thống từ xưng hô của ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương không chỉ dùng các đại từ nhân xưng mà còn sử dụng các từ xưng hô khác.

Trong ấn tượng chung của giới nghiên cứu cũng như người đọc nói chung, Hồ Xuân Hương là một bậc thầy về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ thơ ca đặc biệt là cách sử dụng lớp từ xưng hô đa dạng, độc đáo. Nhà thơ Xuân Diệu khẳng định: “Và nếu chỉ nói về tài dùng chữ, có lẽ ở nhiều trường hợp, Nguyễn Du phải nhường bước Xuân Hương. Chữ Xuân Hương chọn tài tình đến nỗi chẳng thấy công phu gò gẫm gì cả; chọn trên cơ sở phổ cập; Xuân Hương không trau chuốt chữ, Xuân Hương thích dùng vật liệu thông thường, nhưng do vì đặt đúng chỗ ngăn ngắt, nên hóa ra rất chọn lọc”. Nhà nghiên cứu Đỗ Đức Hiểu nhấn mạnh đến đặc điểm “nhảy múa” của ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương: “Những động từ hoạt động trong thơ Hồ Xuân Hương giữ vị trí đầu não, vị trí “chúa tể”, nó là cột sống, hòn đá tảng của nhịp thơ; nó có khả năng gây biến động, gây tai biến, bất chợt và hùng hổ”... Nhìn chung, dù cảm tình hay phản đối nội dung nhưng người thưởng thức nào cũng đều thừa nhận Hồ Xuân Hương rất giỏi gieo vần, đặt câu. Thơ Hồ Xuân Hương rất giỏi trong ứng biến câu chữ, trong cách sử dụng ngôn ngữ đa dạng, phong phú mang nét độc đáo riêng. Thơ Hồ Xuân Hương không tĩnh lặng, êm đềm như thơ Bà Huyện Thanh Quan. Trái lại, ngôn ngữ thơ bà luôn mang đến cảm giác mạnh, lúc nào cũng muốn bùng tỏa năng lượng sinh sôi, muốn khẳng định cái tôi bản ngã cứng rắn tiềm ẩn trong trái tim đầy khát khao sống và yêu của người phụ nữ tài năng.

Thơ Hồ Xuân Hương là một di sản nghệ thuật ngôn từ độc đáo, chứa đựng nhiều giá trị khác nhau, rất cần được tìm hiểu và phổ biến. Cố nhiên, để khám phá ra những giá trị mới của di sản thơ Hồ Xuân Hương, người nghiên cứu tất phải chọn được hướng tiếp cận phù hợp. Hồ Xuân Hương để lại nhiều bài học sáng giá cho hậu thế trong sáng tạo nghệ thuật ngôn từ thi ca, ngay chỉ ở một trường hợp: sử dụng từ xưng hô...

4.4. Ngôn ngữ thể hiện bản lĩnh và cái tôi của nữ sĩ

Trong thơ Hồ Xuân Hương từ “tôi” không xuất hiện trực tiếp mà xuất hiện gián tiếp qua những danh xưng “phận nổi nênh”, “cái hồng nhan”, “thân này”, “chị”,... - những đại từ nhân xưng biểu thị tình thái trung hòa trong thơ: Trong tình huống thơ khác, tác giả lại để cho các

nhân vật thơ bộc lộ tình thái trung hòa, có phần khách khí và lạnh nhạt, hài hước khi sử dụng từ xưng hô “ai”:

*Kìa ai tỉnh, kìa ai say
Kìa ai ghẹo nguyệt giữa ban ngày
Khoan khoan xin hãy dừng tay lại
Chớ mó hang hùm nữa mắt tay
(Dữ phạm tế tửu xướng hoạ)*

Nhân vật *Giẹo nguyệt* trong thơ có lẽ từng là người quen biết, nhưng nay gặp lại, bà đã dùng những từ ngữ không mấy thân thiện, pha chút mỉa mai, khinh miệt để che giấu cái chào nhẹ, rùng mình khi đứng trước người đàn ông kia. Trong tình huống này, từ xưng hô đã thể hiện quan hệ tình cảm, thái độ của các nhân vật trong giao tiếp. Điều này được thể hiện trong một số lời thơ giữa các nhân vật trong tác phẩm của Hồ Xuân Hương:

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung
Năm mươi mươi hoạ hay chằng chớ
Một tháng đôi lần có cũng không
(Lấy chồng chung)*

Người Việt từ xưa đến nay thường sử dụng đại từ “tôi” khi xưng hô với những người đồng trang lứa hoặc với mọi người. Khi xưng tôi với những người mà tuổi tác, địa vị cao hơn hoặc thấp hơn thì sắc thái biểu cảm của chữ tôi thay đổi tùy từng đối tượng, hoàn cảnh. Theo Hoài Thanh: thời phong kiến “cá nhân, cái bản sắc của cá nhân bị chìm đắm như giọt nước trong biển cả”. Vì vậy, các tác phẩm văn học trung đại rất khó lòng tìm thấy chữ “tôi” theo nghĩa đại từ nhân xưng. Chữ tôi với nghĩa đại từ nhân xưng chỉ sinh sôi, nảy nở trong các trào lưu văn học thời 30 - 45, khi mà luồng gió từ phương Tây thổi ào ạt vào nước ta”. Nhà nghiên cứu phê bình Hoài Thanh hình dung: “Ngày thứ nhất - ai biết đích ngày nào - chữ tôi xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bất ngờ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân” (*Thi nhân Việt Nam*). Cái “ngày thứ nhất” đó, chính là ngày trên thi đàn Việt Nam xuất hiện hai ngôi sao chói sáng: Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương. Đây là chữ “tôi” - đại từ nhân xưng đầy ngạo nghễ, “độc”, “lạ” trong thơ Hồ Xuân Hương:

*Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi
Đêm ngày lặn lóc đám cỏ hôi
Quân tử có thương thì bác yếm
Xin đừng ngó ngoáy lỗ trôn tôi.
(Ốc nhồi)*

Nếu bài thơ *Ốc nhồi* của Hồ Xuân Hương được viết trước *Truyện Kiều* thì chữ tôi này có thể là chữ “tôi” theo nghĩa đại từ nhân xưng xuất hiện lần đầu tiên trên thi đàn Việt Nam. Mặc dù mới xuất hiện nhưng nó không hề “bỡ ngỡ” chút nào, bởi Hồ Xuân Hương đã đưa nó vào tác phẩm văn chương một cách hết sức tự nhiên, như lời ăn tiếng nói thường ngày. Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có đến 25 chữ tôi được dùng theo nghĩa đại từ nhân xưng: *Trời*

Liêu non nước bao xa/ Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi... Với việc xưng “tôi”, nàng Kiều đã trở thành nàng Kiều của Nguyễn Du, nàng Kiều của Việt Nam chứ không còn là nàng Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân bên Trung Quốc. Nhà thơ đã để cho Thúy Kiều ý thức một cách sâu sắc về trách nhiệm cá nhân của mình đối với người yêu. Đây là sự gặp gỡ thú vị giữa Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du. Trong khi đó, dò tìm bản dịch *Chinh phụ ngâm* và tác phẩm *Cung oán ngâm khúc*, thấy không hề có một chữ “tôi” đại từ nhân xưng nào...

5. Thảo luận

Thơ Hồ Xuân Hương là một di sản nghệ thuật chứa đựng nhiều giá trị khác nhau, rất cần được tìm hiểu và phổ biến. Cố nhiên, để khám phá ra những giá trị mới của di sản thơ Hồ Xuân Hương, người nghiên cứu tất phải chọn được hướng tiếp cận phù hợp. Với quan điểm, thành công của Hồ Xuân Hương có giá trị làm “mẫu”, giúp cho các nhà thơ lớp sau, nhất là mới vào nghề có thể suy nghĩ, đúc rút thành những bài học hữu ích cho quá trình hoạt động sáng tác của bản thân. Bài viết đề cập tới những vấn đề về đặc trưng ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương cần được vận dụng linh hoạt vào hoàn cảnh sáng tác mới, phù hợp điều kiện của bản thân và hoàn cảnh thời đại mới, thế kỉ XXI. Hồ Xuân Hương là hình ảnh một dòng sông mang trong mình một sức sáng tạo không ngừng nghỉ. Cho nên, bài học từ bà chính là bài học về sáng tạo, về nỗ lực tạo ra một lối đi riêng, độc đáo và thấm đẫm cái tôi nữ quyền trong xã hội phong kiến xưa và có lẽ chính vì vậy, bài viết đã chọn một nhà thơ nữ để mang đến hơi thở mãnh liệt đầy sức sống cho mùa xuân hiện tại của dân tộc.

6. Kết luận

Xưa nay, những kiệt tác của các thi hào, văn hào, phần lớn đều trở nên là những “thảo trường”, thậm chí là “chiến trường” tranh cãi, xung đột, lắm khi quyết liệt giữa những quan niệm tiếp nhận và nghiên cứu khác nhau của các trường phái, lưu phái, nhóm, cá nhân... Thơ Hồ Xuân Hương và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, mặc dầu khác hẳn nhau về phong cách và thể loại, về chủ thể diễn ngôn,... nhưng cả hai đều là những hiện tượng văn hóa, văn học kiệt xuất, đều hàm chứa nhiều vấn đề sâu sắc, phức tạp, bí ẩn của con người ở nhiều thời đại, không chỉ của dân tộc mà còn của nhân loại, lại được thể hiện bằng bút lực của những thi hào, những thiên tài thực sự. Đây là lý do cơ bản tạo nên sức hấp dẫn, thu hút và sự lan tỏa mạnh mẽ đến mọi người của *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) và thơ Hồ Xuân Hương. Từ phương diện này, trong cái nhìn đối sánh khi bài viết khép lại, có thể thấy Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, họ xứng đáng là những tri âm tri kỷ không thể thay thế được của nhau... và đây sẽ là nguồn cảm hứng, động lực để tác giả có hướng nghiên cứu tiếp theo trong các vấn đề ngôn ngữ văn chương.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Thơ Hồ Xuân Hương, Gennady Yaroslavtsev dịch từ tiếng Việt, N.I. Nikulin biên soạn và chú giải, Nxb Khoa học, Махсova, 1968 (Хо Суан Хьюнґ. Стихи. Перевод с вьетнамского Геннадия Ярославцева. Составление и комментарии Н. И. Никулина. Москва. Наука. 1968 г).
- [2]. Thơ Hồ Xuân Hương, John Balaban dịch sang tiếng Anh: Hương sắc mùa xuân: Thơ Hồ Xuân Hương), Nxb Copper Canyon Press, Hoa Kỳ, 2000 (Spring Essence: The Poetry of Ho Xuan Huong, Published by Copper Canyon Press, U.S., United States, 2000).

- [3]. Vương Trí Nhàn, “Hồ Xuân Hương với Rabelais, Villon và Dostoievski”,
<https://vuongtrinhan.blogspot.com/2012/04/ho-xuan-huong-voi-rabelais-villon-va.html>
- [4]. Hữu Ngọc & Françoise Correze, Hồ Xuân Hương ou le voile déchiré, Fleuve Rouge, Ed en langue étrangère, Hanoi - 1984.
- [5]. La Trường Sơn (chú dịch và bình giải), Việt Nam Nữ thi thánh Hồ Xuân Hương Hán Nôm truyền tụng thi tuyển, (罗长山译注与评介, 越南女诗圣胡春香汉喃传诵诗选), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2001.
- [6]. Dictionnaire des oeuvres de tous les temps et de tous les pays - Société d'édition de dictionnaires et encyclopédies, Laffont - Bompiani, SEDE, Paris 1962, Livre 4, p.738.
- [7]. Jean Ristat, Lời giới thiệu Tuyển tập thơ Hồ Xuân Hương được dịch sang tiếng Pháp (Anthologie des poèmes de Hồ Xuân Hương, Paris, 1987).

NGÔN NGỮ THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG

Nguyễn Thị Thái

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: nguyenthithai@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/9/2024

Ngày phản biện: 11/12/2024

Ngày tác giả sửa: 03/3/2025

Ngày duyệt đăng: 21/4/2025

Ngày phát hành: 29/4/2025

Hồ Xuân Hương - nữ thi sĩ Việt Nam với cuộc đời đầy bi kịch, đã trải qua những thăng trầm, khó khăn trong hôn nhân và cuộc sống. Lóp bụi thời gian và những huyền thoại đã gây khó khăn cho hậu thế khi muốn nghiên cứu sâu hơn, chi tiết hơn, chính xác hơn về lai lịch và hành trạng của bà. Nhiều thế hệ công chúng độc giả, giới nghiên cứu trong và ngoài nước, bằng nhiều con đường, nhiều phương pháp tiếp cận đã tìm hiểu tiểu sử, chân dung, phong cách, các mối quan hệ, và nhiều vấn đề khác về Hồ Xuân Hương qua các tập thơ của bà. Trong bài viết này, tác giả tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương để làm sáng tỏ hơn nhận định về bà.

Từ khóa: Hồ Xuân Hương; Ngôn ngữ thơ.